

Trường: Agentra

Tổ: Công nghệ thông tin

Họ và tên giáo viên: Phúc Hảo

CỐT TRUYỆN, NHÂN VẬT, NGÔI KỂ CỦA TRUYỆN NGẮN VÀ TRUYỆN THƠ NÔM

Môn: Ngữ văn Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau khi học xong bài, học sinh:

- Nhận biết và phân tích được các yếu tố cốt truyện (tình huống trung tâm, chuỗi sự kiện chính, mâu thuẫn xung đột, cách giải quyết mâu thuẫn) trong truyện ngắn và truyện thơ Nôm.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật (nhân vật chính, nhân vật phụ; cách xây dựng nhân vật qua hành động, ngôn ngữ, nội tâm, ngoại hình) ở hai thể loại.
- Nhận biết và phân biệt được ngôi kể thứ nhất và ngôi kể thứ ba; nêu được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể trong từng văn bản cụ thể.
- Chỉ ra được điểm tương đồng và khác biệt về cốt truyện, nhân vật, ngôi kể giữa truyện ngắn hiện đại và truyện thơ Nôm thông qua ngữ liệu đã học.

2. Về năng lực

a) Năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Chủ động chuẩn bị ngữ liệu được giao trước giờ học; tự hoàn thiện sản phẩm học tập cá nhân và điều chỉnh sau phản hồi.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Thảo luận nhóm có hiệu quả, phân công nhiệm vụ hợp lý; lắng nghe và phản hồi tích cực ý kiến của bạn khi trình bày kết quả trước lớp.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Phân tích, đối chiếu ngữ liệu để rút ra nhận xét về đặc trưng thể loại; đề xuất cách đọc hiểu phù hợp cho từng dạng văn bản tự sự.

b) *Năng lực đặc thù (Ngữ văn):*

- **Đọc hiểu:** Vận dụng tri thức về cốt truyện, nhân vật, ngôi kể để đọc hiểu văn bản truyện ngắn (ngữ liệu tham chiếu: *Làng* của Kim Lân) và truyện thơ Nôm (ngữ liệu tham chiếu: đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* của Nguyễn Đình Chiểu).
- **Viết:** Biết viết đoạn văn phân tích ngắn về một trong ba yếu tố (cốt truyện, nhân vật hoặc ngôi kể) có dẫn chứng từ văn bản cụ thể.
- **Nói và nghe:** Trình bày ý kiến phân tích trước nhóm và lớp; lắng nghe, tiếp thu phản biện và điều chỉnh lập luận.

c) *Năng lực số phát triển qua bài:*

- **Sáng tạo nội dung số:** Học sinh sử dụng công cụ sơ đồ tư duy trực tuyến (MindMeister hoặc Canva Whiteboard) để trực quan hoá mối liên hệ giữa cốt truyện, nhân vật và ngôi kể trong một đoạn trích; rèn kĩ năng tổ chức, trình bày tri thức dưới dạng số.
- **Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số:** Chia sẻ sản phẩm sơ đồ tư duy với cả lớp qua màn hình chiếu hoặc liên kết Google Drive; bước đầu hình thành ý thức sử dụng không gian số có mục đích và trách nhiệm trong học tập.

3. Về phẩm chất

- **Yêu nước:** Trân trọng di sản văn học dân tộc qua việc tìm hiểu thể loại truyện thơ Nôm, kết tinh của ngôn ngữ và tư tưởng cha ông; ý thức gìn giữ và phát huy vốn văn học truyền thống.
- **Nhân ái:** Đồng cảm với số phận, tâm tư của các nhân vật trong tác phẩm; hình thành thái độ nhân văn khi đánh giá hành động và lựa chọn của nhân vật văn học.
- **Chăm chỉ:** Nghiêm túc chuẩn bị bài đọc ở nhà, hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp đầy đủ và đúng hạn.
- **Trách nhiệm:** Có ý thức bảo tồn và giới thiệu các giá trị văn học truyền thống; sử dụng công nghệ số có mục đích rõ ràng và có trách nhiệm trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, giáo án chi tiết.
- Máy tính, máy chiếu, bảng trắng, bút lông.
- Phiếu học tập in sẵn: bảng so sánh ba yếu tố (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể) giữa truyện ngắn và truyện thơ Nôm (3 hàng $\times$ 3 cột).
- Ngữ liệu chiếu màn hình: hai đoạn trích ngắn đã chọn lọc từ *Làng* (Kim Lân) và *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (Nguyễn Đình Chiểu); đoạn trích luyện tập từ *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng).
- Mã QR dẫn đến bảng MindMeister nhóm (tạo sẵn, chia sẻ chế độ chỉnh sửa nhóm) hoặc bảng Canva Whiteboard để học sinh dùng trong hoạt động luyện tập.

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa Ngữ văn 9, vở ghi.
- Đọc trước ở nhà: đoạn trích *Làng* và đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* theo hướng dẫn của giáo viên.
- Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng (nếu có) để truy cập công cụ sơ đồ tư duy trực tuyến trong hoạt động luyện tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu (5 phút)

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập tích cực, kích hoạt hiểu biết nền của học sinh về truyện ngắn và truyện thơ Nôm đã học ở lớp dưới; dẫn dắt tự nhiên vào ba yếu tố trọng tâm của bài: cốt truyện, nhân vật, ngôi kể.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu lên màn hình hai đoạn tóm tắt ngắn (mỗi đoạn khoảng 4 dòng): đoạn (1) tóm tắt cốt truyện truyện ngắn *Làng* của Kim Lân; đoạn (2) tóm tắt nội dung đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* của Nguyễn Đình Chiểu. Học sinh đọc lướt và trả lời nhanh hai câu hỏi: “Câu chuyện kể về ai?” và “Ai kể câu chuyện đó?”

c) Sản phẩm: Câu trả lời miệng của học sinh nêu được tên nhân vật chính trong mỗi văn bản và bước đầu nhận ra người kể chuyện; học sinh cảm nhận được sự khác biệt hình thức bề ngoài giữa văn xuôi (truyện ngắn) và thơ lục bát (truyện thơ Nôm), từ đó nảy sinh câu hỏi cần giải đáp trong bài.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu hai đoạn tóm tắt, yêu cầu HS đọc trong 1 phút. - GV nêu hai câu hỏi: “Câu chuyện kể về ai? Ai đang kể câu chuyện đó?”	- HS nhận nhiệm vụ, quan sát và đọc lướt hai đoạn tóm tắt trên màn hình.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc hai đoạn tóm tắt, suy nghĩ cá nhân trong 1 phút. - GV quan sát, hỗ trợ nếu HS chưa quen với thể loại truyện thơ Nôm.	- HS xác định được: nhân vật ông Hai (<i>Làng</i>), Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga (<i>Lục Vân Tiên</i>); nhận ra đoạn (2) viết bằng thơ lục bát.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời 2 đến 3 HS phát biểu miệng. - GV ghi nhanh ý kiến của HS lên bảng theo hai cột: “Truyện ngắn” và “Truyện thơ Nôm”.	- HS nêu tên nhân vật và bước đầu nhận biết ngôi kể thứ ba trong cả hai văn bản; lớp bổ sung ý kiến.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét ngắn, dẫn dắt: “Chúng ta vừa chạm vào ba yếu tố cốt lõi của mọi văn bản tự sự: cốt truyện, nhân vật và ngôi kể. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu rõ và vận dụng ba yếu tố đó khi đọc hiểu cả truyện ngắn hiện đại lẫn truyện thơ Nôm.”	HS bước vào bài mới với câu hỏi hứng thú cần giải đáp: ba yếu tố đó biểu hiện như thế nào và có gì khác nhau giữa hai thể loại?

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (20 phút)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nắm vững khái niệm và các biểu hiện cụ thể của cốt truyện, nhân vật và ngôi kể.
- Học sinh nhận biết và phân tích được sự tương đồng, khác biệt của ba yếu tố đó trong truyện ngắn hiện đại (*Làng*) và truyện thơ Nôm (*Lục Vân Tiên*) thông qua ngữ liệu đã chuẩn bị.

b) Nội dung: Học sinh làm việc nhóm đôi với phiếu học tập, đọc lại ngữ liệu và điền vào bảng so sánh ba yếu tố. Sau đó giáo viên tổ chức thảo luận toàn lớp theo từng yếu tố, chốt kiến thức chuẩn trên bảng lớp.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập hoàn chỉnh của các nhóm đôi; bảng so sánh chuẩn gồm ba mục (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể) giữa hai thể loại do giáo viên chốt sau thảo luận.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu học tập: bảng so sánh (3 hàng × 3 cột: yếu tố / truyện ngắn <i>Làng</i> / truyện thơ Nôm <i>Lục Vân Tiên</i>). - GV chiếu câu hỏi định hướng: “Cốt truyện triển khai quanh mâu thuẫn nào? Nhân vật được khắc hoạ qua những phương diện nào? Ai kể và điều đó tạo ra hiệu quả gì?” - GV yêu cầu nhóm đôi đọc lại ngữ liệu và điền phiếu trong 8 phút.	- HS nhận phiếu, phân công nhiệm vụ trong nhóm đôi; xác định rõ phần mỗi người phụ trách.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc, thảo luận nhóm đôi và điền vào phiếu học tập. - GV đi vòng quanh lớp quan sát, hỗ trợ nhóm gặp khó khăn. - GV lưu ý: truyện thơ Nôm dùng ngôi kể thứ ba nhưng giọng điệu của tác giả lồng vào lời kể; nhân vật mang tính lí tưởng hoá rõ hơn truyện ngắn hiện đại.	- HS điền được: (1) <i>Làng</i>: mâu thuẫn giữa tình yêu làng và lòng yêu nước; nhân vật ông Hai được khắc hoạ qua tâm lí và ngôn ngữ đời thường; ngôi kể thứ ba linh hoạt. (2) <i>Lục Vân Tiên</i>: cốt truyện nhiều sự kiện, có thử thách và vượt thử thách; nhân vật mang phẩm chất lí tưởng; ngôi kể thứ ba, có giọng tác giả.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời 3 nhóm trình bày, mỗi nhóm một yếu tố (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể). - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung hoặc phản biện. - GV điều phối thảo luận, ghi bổ sung lên bảng.	- HS phát biểu, đối chiếu kết quả phiếu học tập của nhóm mình với nhóm bạn; điều chỉnh câu trả lời nếu cần.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV chốt bảng so sánh chuẩn lên màn chiếu. - GV nhấn mạnh điểm khác biệt then chốt: truyện ngắn hiện đại tập trung vào tình huống tâm lí, nhân vật phức tạp, cốt truyện cô đọng; truyện thơ Nôm có cốt truyện nhiều chặng, nhân vật ước lệ mang tính lí tưởng, kết hợp phương thức thơ lục bát.	Bảng tổng hợp: <i>Cốt truyện:</i> Truyện ngắn: một tình huống trung tâm, ít sự kiện, xung đột nội tâm. Truyện thơ Nôm: nhiều sự kiện nối tiếp, có thử thách và vượt thử thách. <i>Nhân vật:</i> Truyện ngắn: tâm lí phức tạp, ngôn ngữ đời thường. Truyện thơ Nôm: lí tưởng hoá, ngôn ngữ ước lệ. <i>Ngôi kể:</i> Cả hai thể loại thường dùng ngôi thứ ba; truyện ngắn đôi khi dùng ngôi thứ nhất tạo cảm giác chân thực.

Hoạt động 3: Luyện tập (13 phút)

a) Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng tri thức vừa hình thành để phân tích ba yếu tố trong một ngữ liệu mới chưa học kĩ trên lớp.
- Học sinh rèn kĩ năng **sáng tạo nội dung số**: sử dụng công cụ sơ đồ tư duy trực tuyến (MindMeister hoặc Canva Whiteboard) để trực quan hoá và hệ thống hoá kiến thức phân tích được; đây là thành tố năng lực số được tích hợp tự nhiên trong hoạt động.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu đoạn trích ngắn (khoảng 10 dòng) từ truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng. Học sinh làm việc nhóm 4 người: (1) xác định tình huống truyện

trong đoạn trích; (2) phân tích một nhân vật qua chi tiết cụ thể; (3) xác định ngôi kể và nêu tác dụng. Sau đó, mỗi nhóm tạo sơ đồ tư duy trên MindMeister (quét mã QR trên bảng) hoặc vẽ tay lên phiếu nếu không có thiết bị, rồi chia sẻ kết quả qua màn chiếu.

c) Sản phẩm: Sơ đồ tư duy (số hoặc giấy) của mỗi nhóm thể hiện đủ ba yếu tố cốt truyện, nhân vật, ngôi kể trong đoạn trích *Chiếc lược ngà*, có dẫn chứng cụ thể từ văn bản.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu đoạn trích <i>Chiếc lược ngà</i> và yêu cầu nhóm đọc trong 1 phút. - GV hướng dẫn: “Nhóm thảo luận và tạo sơ đồ tư duy có 3 nhánh chính (Cốt truyện / Nhân vật / Ngôi kể), mỗi nhánh ít nhất 2 ý dẫn chứng từ văn bản. Hoàn thành trong 7 phút trên MindMeister (quét mã QR) hoặc vẽ tay vào phiếu.” - GV phân công trong nhóm: 1 đến 2 bạn chỉ ra dẫn chứng; 1 bạn thao tác công cụ số hoặc vẽ sơ đồ; 1 bạn chuẩn bị trình bày.	- HS nhận nhiệm vụ, phân công rõ ràng trong nhóm; quét mã QR hoặc nhận phiếu vẽ tay.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đoạn trích, thảo luận nhóm và xây dựng sơ đồ tư duy. - GV đi quan sát các nhóm, nhắc nhở sử dụng dẫn chứng cụ thể từ văn bản, tránh viết chung chung. - GV hỗ trợ kỹ thuật nếu nhóm gặp khó khăn khi dùng MindMeister; khuyến khích nhóm không có thiết bị vẽ sơ đồ tay sáng tạo và rõ ràng.	- Nhóm hoàn thành sơ đồ tư duy với 3 nhánh chính và các ý dẫn chứng cụ thể từ đoạn trích <i>Chiếc lược ngà</i>; nhận ra ngôi kể thứ nhất qua nhân vật “tôi” là người bạn của ông Sáu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời 1 đến 2 nhóm chiếu sơ đồ tư duy lên màn hình hoặc giơ phiếu vẽ tay. - Các nhóm còn lại quan sát, nhận xét: dẫn chứng có cụ thể không? Ba nhánh có đúng yêu cầu không? - GV đặt câu hỏi phản biện: “Ngôi kể thứ nhất trong đoạn này tạo ra hiệu quả gì so với nếu tác giả dùng ngôi thứ ba?”	- HS trình bày và bảo vệ sơ đồ tư duy của nhóm; lắng nghe nhận xét của bạn và đưa ra ý kiến xây dựng ngược lại.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét chung về chất lượng sơ đồ tư duy: khen ngợi nhóm có dẫn chứng sát văn bản, chỉnh nhóm còn viết mơ hồ. - GV chốt: ngôi kể thứ nhất (nhân vật “tôi” là người chứng kiến) trong <i>Chiếc lược ngà</i> tạo cảm giác chân thực, xúc động; giọng kể mang cảm xúc trực tiếp của người trong cuộc.	Nhận xét: Sơ đồ tư duy giúp hệ thống hoá ba yếu tố một cách trực quan; kĩ năng tạo sơ đồ tư duy số là công cụ học tập linh hoạt có thể vận dụng khi đọc hiểu bất kì văn bản tự sự nào.

Hoạt động 4: Vận dụng (7 phút)

a) Mục tiêu: Học sinh chuyển hoá kiến thức vào thực tiễn đọc hiểu cá nhân: tự lựa chọn một văn bản quen thuộc và viết đoạn phân tích ngắn có dẫn chứng; nhận ra giá trị của việc nắm vững ba yếu tố đối với quá trình tiếp nhận bất kì văn bản tự sự nào.

b) Nội dung: Học sinh làm việc cá nhân: viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 câu) phân tích một trong ba yếu tố (cốt truyện, nhân vật hoặc ngôi kể) trong một văn bản truyện mà các em đã học hoặc tự đọc. Giáo viên gợi ý một số tác phẩm: *Bố của Xi-mông* (Mô-pa-xăng), *Hai cây phong* (Ai-ma-tốp), *Cố hương* (Lỗ Tấn), *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng).

c) Sản phẩm: Đoạn văn phân tích cá nhân (5 đến 7 câu) viết vào vở, nêu rõ tên tác phẩm, yếu tố được chọn phân tích, dẫn chứng cụ thể và nhận xét tác dụng. Giáo viên thu một số bài để nhận xét đầu tiết sau.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: “Các em chọn một văn bản truyện đã học, viết đoạn văn 5 đến 7 câu phân tích một trong ba yếu tố hôm nay học. Đoạn văn cần nêu tên yếu tố, dẫn chứng cụ thể từ văn bản và nhận xét tác dụng.” - GV chiếu gợi ý tác phẩm và cấu trúc đoạn văn: câu mở đoạn (nêu yếu tố và tác phẩm) + 3 đến 4 câu phân tích dẫn chứng + câu kết (nhận xét tác dụng).	- HS nhận nhiệm vụ, chọn văn bản và yếu tố sẽ phân tích; xác định dẫn chứng sẽ dùng.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc độc lập, viết đoạn văn vào vở trong 4 phút. - GV quan sát, hỗ trợ HS chưa biết cách đưa dẫn chứng hoặc còn lẫn lộn ba yếu tố với nhau. - GV nhắc: dẫn chứng cần trích dẫn cụ thể (chi tiết, hành động, lời thoại) chứ không kể lại cốt truyện chung.	- HS hoàn thành đoạn văn cá nhân, thể hiện rõ: tên văn bản và tác giả; tên yếu tố được chọn; dẫn chứng cụ thể; nhận xét tác dụng của yếu tố đó.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời 1 đến 2 HS đọc đoạn văn vừa viết. - Lớp nhận xét: dẫn chứng có cụ thể không? Nhận xét tác dụng có đúng và rõ không?	- HS trình bày đoạn văn của mình; lắng nghe nhận xét của bạn và giáo viên để tự điều chỉnh, hoàn thiện bài viết ở nhà.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét chung, biểu dương những đoạn văn có dẫn chứng xác đáng và nhận xét sắc bén. - GV hướng dẫn nhiệm vụ về nhà: hoàn thiện đoạn văn; đọc trước bài tiếp theo. - GV chốt thông điệp: “Cốt truyện, nhân vật và ngôi kể là chìa khoá để đọc hiểu bất kì văn bản tự sự nào, dù là truyện ngắn hiện đại hay truyện thơ Nôm cổ điển của cha ông.”	Kết luận toàn bài: Nắm vững ba yếu tố cốt truyện, nhân vật, ngôi kể giúp học sinh đọc hiểu chủ động và sâu sắc hơn; kĩ năng này áp dụng được cho mọi thể loại tự sự từ hiện đại đến truyền thống.

....., ngàythángnăm

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phúc Hảo